

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 28 – 9 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý

2. Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Vinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2020/TLST – KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: số 02, phường H, quận Ba Đình, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiếp Văn T – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân T1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Phước Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Đình K – Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo giấy ủy quyền đề ngày 26/6/2020). Có mặt

Địa chỉ: Số 09 đường Đ, khu phố 3, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/02/2019, Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số 5605 - LAV – 201900292 với bà Phạm Thị H cho vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), mục đích vay: kinh doanh thu mua nông sản, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 27/02/2019 đến ngày 26/02/2020, lãi suất trong hạn: 9.8%/năm, lãi suất quá hạn: 150%/năm. Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi suất cho vay được thay đổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân sự VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Bình Phước cộng 3%/năm, được điều chỉnh 03 tháng 01 lần.

Tài sản đảm bảo khoản vay trên là thửa đất số PT, tờ bản đồ ĐL, diện tích 288m² (trong đó: đất ở tại nông thôn 100m², đất trồng cây lâu năm 188m²), tọa lạc tại: Thôn L, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 466486, số vào sổ H 00566/CN ngày 03/4/2012 cấp cho bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T và căn nhà xây cấp 4 diện tích 80m². Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5605 – 156 - 2017132 ngày 19/01/2017 được ký kết giữa bên thế chấp bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T với bên nhận thế chấp Ngân hàng N, được công chứng số 00000607, quyền số 01-2017 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 23/01/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/01/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phước Long.

Tính đến ngày 25/8/2019, bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi 14.530.761 đồng; số tiền nợ gốc chưa trả được khoản nào. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và không trả số nợ gốc đúng hạn theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số nợ vay nhưng phía bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu buộc bà H, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 340.131.782 đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và các khoản lãi tính đến ngày 28/9/2020 gồm lãi trong hạn 14.820.822 đồng và lãi quá hạn 25.310.960 đồng)

Buộc bà H, ông T phải tiếp tục trả nợ lãi vay cho ngân hàng kể từ ngày 29/9/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5605 - LAV – 201900292 ngày 26/02/2019 cho đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà H, ông T không trả hoặc không trả đủ toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các

văn bản tố tụng để bà H, ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bà H, ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không có lời trình bày của bà H, ông T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N yêu cầu bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi suất còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, một trong các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn bà Phạm Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Ngày 26/02/2019, Ngân hàng N có ký Hợp đồng tín dụng số 5605 - LAV – 201900292 với bà Phạm Thị H để cho vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng 2010; các Điều 117, 119 Bộ luật dân sự 2015, Quyết định số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

ngoài đối với khách hàng nên Hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết nên phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo nội dung của hợp đồng.

[3.2] Xét hiệu lực Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5605 – 156 - 2017/132 ngày 19/01/2017 được ký kết giữa bên thế chấp bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T với bên nhận thế chấp Ngân hàng N không trái với quy định của pháp luật, hợp đồng được công chứng theo luật định và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/01/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phước Long; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 229, Điều 317, Điều 319 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, Nghị định 8020/2013/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ khi đăng ký bảo đảm làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên thế chấp.

Tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 14/8/2020 tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

[3.3] Xét tài liệu do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5605 - LAV – 201900292 ngày 26/02/2019 thể hiện bà H có vay Ngân hàng N số tiền 300.000.000 đồng; căn cứ giấy theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ thì vào ngày 27/02/2019 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho bà H và bà H đã nhận đủ số tiền vay. Tính đến ngày 28/9/2020, tổng số tiền bà H chưa trả cho Ngân hàng là 340.131.782 đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và các khoản lãi tính đến ngày 28/9/2020 gồm: lãi trong hạn 14.820.822 đồng và lãi quá hạn 25.310.960 đồng)

Căn cứ vào bảng kê chi tiết tiền gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính lãi từ ngày 26/8/2019 đến ngày 28/9/2020, Hội đồng xét xử đã kiểm tra, xác định Ngân hàng đã tính các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn đúng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Quang T đã làm giấy ủy quyền cho bà Phạm Thị H để bà H đại diện ông T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bên vay vốn. Nay bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc đến hạn cho ngân theo nội dung đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nên căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền 340.131.782 đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và các khoản lãi tính đến ngày 28/9/2020 gồm lãi trong hạn 14.820.822 đồng và lãi quá hạn 25.310.960 đồng)

Buộc bà H, ông T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng N kể từ ngày 29/9/2020 theo mức lãi suất mà

các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5605 - LAV – 201900292 ngày 26/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp bà H, ông T không trả hoặc không trả đủ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự, Điều 04 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5605 – 156 - 2017132 ngày 19/01/2017 nên cần được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà H, ông T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định. Bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà H, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào căn cứ khoản 1, Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 117, Điều 119, Điều 317 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016 UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 340.131.782 đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và các khoản lãi tính đến ngày 28/9/2020 gồm lãi trong hạn 14.820.822 đồng và lãi quá hạn 25.310.960 đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T không trả hoặc không trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng được quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và bà H, ông T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng N kể từ ngày 29/9/2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5605 - LAV – 201900292 ngày 26/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T không trả hoặc không trả đủ toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự phát mãi tài sản thế chấp là: Diện tích đất 288m²

(trong đó: đất ở tại nông thôn 100m², đất trồng cây lâu năm 188m²); thuộc thửa đất số PT, tờ bản đồ ĐL; tọa lạc tại: thôn L, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 466486, số vào sổ H 00566/CN ngày 03/4/2012 cấp cho bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T và căn nhà xây cấp 4 diện tích 80m²; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5605 – 156 - 2017132 ngày 19/01/2017, được công chứng số 00000607, quyền số 01-2017 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 23/01/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/01/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phước Long để thu hồi nợ.

Ngân hàng N có nghĩa vụ giao trả cho bà H, ông T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 466486, số vào sổ H 00566/CN, được Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp ngày 03/4/2012 khi bà H, ông T trả hết số tiền nợ nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: Bà H, ông T phải liên đới chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định. Bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Quang T phải liên đới chịu 17.006.589 đồng (Mười bảy triệu không trăm lẻ sáu nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng N (Chi nhánh Phước Long) số tiền tạm ứng án phí 8.249.569 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng) mà Ngân hàng N (Chi nhánh Phước Long) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006xxx ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- VKS TX. Phước Long;
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

